

Số: 15 /QĐ-HVCS&PT

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện
Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-BKH ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Biên bản cuộc họp cán bộ chủ chốt về việc thông qua Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2030, gồm các nội dung chính như sau:

- Sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi.
- Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Tổ chức thực hiện và giám sát.

(Kế hoạch chiến lược phát triển kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị căn cứ Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 để xây dựng kế hoạch phát triển của đơn vị.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Thủ trưởng các đơn vị, cán bộ/giảng viên thuộc Học viện Chính sách và Phát triển có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



GIÁM ĐỐC

Đào Văn Hùng

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/2016 của
Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Sau hơn bảy năm hoạt động kể từ ngày có quyết định thành lập, mặc dù gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và kinh nghiệm quản lý, đến nay Học viện Chính sách và Phát triển đã dần đi vào ổn định, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý, ... đã có những bước tiến vượt bậc và đạt được các thành tích đáng khích lệ.

Bản kế hoạch chiến lược này nhằm định hướng cho mọi hoạt động cũng như chính sách phát triển của Học viện giai đoạn 2016-2021 và tầm nhìn đến năm 2030; là công cụ quản lý hữu hiệu của Học viện nhằm từng bước chuyển sang phương thức quản lý chiến lược; làm cơ sở hoạch định chính sách và lập kế hoạch xây dựng, phát triển Học viện trong từng giai đoạn tiếp theo; đóng vai trò quan trọng như một văn bản có tính pháp quy của học viện.

Phần I

SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, thạc sỹ, tiến sỹ về chính sách công, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2020, Học viện trở thành trường đại học theo định hướng nghiên

cứu, đạt các chuẩn quốc gia về chất lượng, nằm trong nhóm các trường đại học có uy tín thuộc khối ngành kinh tế và quản lý ở Việt Nam.

Đến năm 2030, học viện trở thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu nằm trong nhóm các trường đại học hàng đầu về kinh tế và quản lý ở Việt Nam, có uy tín trong khu vực Đông Nam Á; trở thành trung tâm nghiên cứu có uy tín trong nước và trong khu vực.

3. Giá trị cốt lõi

Chất lượng - Minh bạch - Trí tuệ và phát triển.

Phần II

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN

GIAI ĐOẠN 2016-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển sau hơn 7 năm đi vào hoạt động và phân tích các tác động từ bối cảnh bên ngoài cũng như thuận lợi, khó khăn chủ yếu, học viện xác định chiến lược phát triển trong giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 như sau:

1. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Đẩy nhanh quá trình phát triển Học viện trở thành trường đại học có uy tín ở Việt Nam trên cơ sở kết hợp giữa việc phát triển tuần tự với đi tắt đón đầu, chú trọng đầu tư có trọng điểm một số ngành, chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu phù hợp với nhu cầu thị trường, góp phần vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn của Việt Nam và đạt chuẩn quốc tế trên cơ sở kế thừa, phát huy truyền thống của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Học viện Chính sách và Phát triển trở thành cơ sở đào tạo đại học và sau đại học đa ngành trong lĩnh vực kinh tế và chính sách phát triển, có uy tín cao trong hệ thống giáo dục quốc dân; trở thành cơ sở nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng nhu cầu xã hội và yêu cầu phát triển của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Trở thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu, nằm trong nhóm các trường đại học có uy tín thuộc khối ngành kinh tế và quản lý ở Việt Nam; hướng đến mục tiêu nằm trong nhóm các trường đại học hàng đầu ở Việt Nam và có uy tín ở khu vực Đông Nam Á.

- Có các chương trình liên kết đào tạo quốc tế có chất lượng ở bậc đại học và sau đại học.
- Đạt chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng tới một số ngành đào tạo đạt chuẩn kiểm định của Hiệp hội các trường đại học khu vực Đông Nam Á.
- Trở thành một trung tâm nghiên cứu, tư vấn chính sách có uy tín trong lĩnh vực chính sách phát triển, kinh tế vĩ mô, quản lý nhà nước và tài chính tiền tệ; hướng tới trở thành một trung tâm nghiên cứu có uy tín trong khu vực. Tăng cường nguồn thu từ các hoạt động NCKH.
- Triển khai thực hiện đào tạo và bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho cán bộ thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư.
- Xây dựng đội ngũ viên chức đủ về số lượng và chất lượng, có phẩm chất đạo đức, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến.
- Có cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng yêu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu theo tiêu chuẩn các trường đại học Việt Nam.
- Định vị thương hiệu học viện; xây dựng hệ thống nhận diện thống nhất về học viện.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao hiệu quả công tác

quản lý hành chính của học viện.

3. CHIẾN LƯỢC VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC

3.1. Đào tạo

Ôn định và nâng cao chất lượng đào tạo, nâng dần quy mô đào tạo bậc đại học và sau đại học, hướng vào đào tạo chất lượng cao ở bậc đại học. Mở rộng ngành đào tạo sau đại học, đưa đào tạo sau đại học thành hướng phát triển chủ đạo của học viện.

3.1.1. Đào tạo đại học

3.1.1.1. Chiến lược phát triển

- Tập trung đào bậc đại học tạo hệ chính quy, hướng vào đào tạo chất lượng cao với 5 ngành chủ đạo: Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Quản lý Nhà nước, Tài chính Ngân hàng, Quản trị Kinh doanh và một số ngành khác theo nhu cầu của xã hội.

- Liên kết đào tạo với các trường đại học có uy tín trên thế giới, xây dựng và thực hiện đào tạo một số ngành bằng tiếng Anh, tiếp cận các chuẩn mực chất lượng khu vực và quốc tế. Đến năm 2020 có khoảng 20-30% số môn học trong chương trình đào tạo được một số trường đại học trên thế giới công nhận.

- Nâng dần quy mô đào tạo nhưng phải đảm bảo chất lượng và tính hiệu quả trong tổ chức đào tạo.

- Đến năm 2018, Học viện tiến hành đánh giá ngoài và đạt tiêu chí chất lượng của các cơ quan kiểm định của Việt Nam. Từ năm 2020, một số ngành học đăng ký kiểm định theo chuẩn kiểm định của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA).

- Nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh với mục tiêu từ năm 2016 sinh viên tốt nghiệp chương trình chuẩn có trình độ tiếng Anh TOEIC 450 điểm hoặc tương đương, sinh viên tốt nghiệp chương trình chất lượng cao có trình độ tiếng Anh IELTS 5.5 hoặc tương đương theo quy định.

- Cải thiện chất lượng đào tạo kỹ năng tin học với mục tiêu từ năm 2016,

sinh viên tốt nghiệp có trình độ tin học với chứng chỉ tin học văn phòng IC3 hoặc MOS quốc tế do Microsoft cấp.

3.1.1.2. Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục triển khai đào tạo chương trình chất lượng cao đối với ngành Kinh tế quốc tế và Tài chính Ngân hàng, nghiên cứu mở rộng chương trình chất lượng cao sang các ngành khác. Liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín trên thế giới theo hình thức đồng cấp bằng hoặc trường đại học nước ngoài cấp bằng.

- Đáp ứng đầy đủ giáo trình, tài liệu, phương tiện, thiết bị phục vụ học tập nghiên cứu khoa học của sinh viên và cán bộ, giảng viên. Xây dựng hệ thống giáo trình chất lượng cao theo hướng đổi mới phương pháp dạy và học. Tổ chức biên soạn khoảng 30 giáo trình đặc thù của học viện và dịch 20 giáo trình nước ngoài. Đầu tư hiện đại hóa thư viện, phương tiện thiết bị giảng dạy; xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và đào tạo.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên trình độ cao trên cơ sở quy hoạch đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng; thực hiện tiêu chuẩn hóa chất lượng giảng viên. Thông qua việc triển khai các chương trình đào tạo chất lượng cao, giảng viên cơ hữu của học viện có thể cải thiện khả năng ngoại ngữ trong giảng dạy và nghiên cứu. Đồng thời qua các khóa đào tạo, tập huấn chuyên sâu trong và ngoài nước, giảng viên của học viện sẽ dần được nâng cao năng lực chuyên môn và khả năng sư phạm.

3.1.2. Đào tạo sau đại học

3.1.2.1. Chiến lược phát triển

Đào tạo cao học được xác định là hướng phát triển chủ yếu của học viện và sẽ được triển khai theo hai hình thức:

- 1) Học viện tự đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT;
- 2) Liên kết đào tạo với các trường đại học có uy tín trên thế giới. Tập trung đào tạo một số ngành chính: Kinh tế, Chính sách công, Kinh tế quốc tế, Tài chính

Ngân hàng, Quản trị kinh doanh và một số ngành theo nhu cầu của xã hội. Trước mắt triển khai đào tạo cao học Chính sách công ngay từ năm học 2015-2016, các ngành khác sẽ được triển khai khi đủ điều kiện.

Đào tạo Tiến sỹ: Trước mắt tập trung xây dựng và triển khai đào tạo ở bậc tiến sỹ đối với ngành Chính sách công và Tài chính Ngân hàng. Học viện sẽ triển khai đào tạo bậc tiến sỹ đối với các ngành còn lại khi có đủ điều kiện cần thiết.

3.1.2.2. Giải pháp thực hiện

Liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín trên thế giới: Đây là khâu đột phá để Học viện có thể tổ chức đào tạo sau đại học với chất lượng đạt chuẩn Việt Nam và quốc tế, nâng cao thương hiệu, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội và phục vụ sự phát triển của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Tích cực tìm nguồn kinh phí hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế để lựa chọn trường đại học uy tín trên thế giới làm đối tác triển khai liên kết đào tạo cao học. Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng theo chương trình của các trường đối tác, có bổ sung điều chỉnh một số môn học cho phù hợp với yêu cầu của Việt Nam và được giảng dạy bằng tiếng Anh.

Trong 1 đến 3 năm đầu tiên chương trình sẽ do các giáo sư của trường đối tác thực hiện, giảng viên của Học viện sẽ đảm trách vai trò trợ giảng. Các năm tiếp sau giảng viên học viện sẽ đảm trách giảng dạy một phần chương trình và sau 5 đến 6 năm học viện sẽ giảng dạy hầu hết các môn học của chương trình. Mỗi năm học viện sẽ cử 2-3 giảng viên sang trường đối tác thực tập giảng dạy một học kỳ dưới sự hướng dẫn của các giáo sư.

Thông qua liên kết đào tạo sau đại học, Học viện sẽ tiếp nhận được chương trình của các trường tiên tiến; đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ giảng viên; nâng cao toàn diện chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và quản trị học viện.

Triển khai đào tạo thạc sỹ trong nước theo các quy định hiện hành của Bộ

GD&ĐT.

Năm 2015 Học viện đã được giao đào tạo cao học ngành Chính sách công với chỉ tiêu khóa 1 là 50 học viên. Sau khi ổn định đào tạo cao học ngành Chính sách công, năm 2016 học viện tiếp tục xin mở thêm mã 2 ngành đào tạo cao học là Tài chính Ngân hàng và Kinh tế quốc tế. Đến năm 2020 học viện sẽ tiến hành đào tạo cao học cả 05 ngành: Chính sách công, Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Tài chính Ngân hàng và Quản trị kinh doanh.

Triển khai đào tạo tiến sỹ các ngành Chính sách công và Tài chính Ngân hàng khi được Bộ GD&ĐT cho phép. Đây là những ngành mà Học viện có thế mạnh và có thể đáp ứng được nguồn nhân lực hiện nay.

Phối hợp với Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, Viện Chiến lược phát triển, các đơn vị trong Bộ KH&ĐT và các trường đại học khác hình thành đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án.

Xây dựng cơ chế huy động sự tham gia của cán bộ nghiên cứu và các cán bộ đã có nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong ngành kế hoạch đầu tư tham gia giảng dạy, giúp học viên đạt hiệu quả tối đa trong học tập và nghiên cứu ứng dụng thực tiễn.

3.2. Nghiên cứu khoa học

3.2.1. Chiến lược phát triển

Nghiên cứu khoa học, tư vấn và phản biện chính sách là một trong những hoạt động chủ yếu được ưu tiên phát triển. Đến năm 2020, Học viện trở thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu, là cơ sở nghiên cứu khoa học, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng nhu cầu xã hội, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của ngành KH&ĐT và của đất nước.

Tập trung nghiên cứu và phản biện chính sách trên các lĩnh vực: chính sách phát triển, kinh tế vĩ mô, kinh tế quốc tế, tài chính ngân hàng. Gắn vấn đề nghiên cứu với triển khai nhiệm vụ của Bộ KH&ĐT.

3.2.2. Giải pháp thực hiện

- Trong giai đoạn 2016-2018, thành lập Trung tâm nghiên cứu và phản biện chính sách. Giai đoạn 2018-2020 thành lập Viện nghiên cứu, phản biện chính sách trên cơ sở Trung tâm nghiên cứu và phản biện chính sách.

- Hàng năm đăng ký, triển khai 1-3 đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, 1-5 đề tài cấp Học viện; tăng cường triển khai nghiên cứu khoa học sinh viên; biên soạn 1-2 giáo trình, tài liệu tham khảo và chuyên khảo, có 1-10 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế. Khuyến khích công bố bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong nước và quốc tế.

- Tiếp tục mở các lớp về phương pháp NCKH, phương pháp viết bài báo khoa học cho giảng viên và sinh viên; đẩy mạnh sinh hoạt khoa học tại các khoa, bộ môn.

- Mỗi năm tổ chức 1-2 hội thảo với quy mô lớn, có sự tham dự của các chuyên gia trong và ngoài nước về những vấn đề kinh tế cấp thiết và 5-7 hội thảo cấp khoa; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

- Thành lập Tạp chí Chính sách và Phát triển. Xuất bản định kỳ các ấn phẩm

khoa học dưới hình thức: tạp chí khoa học, sách tham khảo, chuyên đề nghiên cứu, kỷ yếu hội thảo khoa học, kết quả các đề tài nghiên cứu ứng dụng, v.v.

- Xây dựng các nhóm chuyên gia nghiên cứu - giảng dạy - hoạt động thực tiễn (RTP) theo lĩnh vực, bao gồm giảng viên, cán bộ nghiên cứu và các chuyên gia đang làm việc tại các Bộ, ban, ngành, các doanh nghiệp.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư như: Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường; Cục phát triển doanh nghiệp; Cục Đăng ký kinh doanh; Cục Đấu thầu; Vụ kinh tế đối ngoại; các Vụ chuyên môn khác... trong tìm kiếm, lựa chọn, xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, các Đề án nghiên cứu hàng năm.

3.3. Đào tạo, bồi dưỡng và tư vấn phát triển

3.3.1. Chiến lược phát triển

Phát triển các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho cán bộ thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Cung cấp các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực theo nhu cầu thị trường, cơ chế tự thu, tự chi, tạo ra nguồn thu nhập, tăng cường tự chủ về tài chính, tạo điều kiện ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn cho cán bộ, giảng viên của học viện.

Tập trung phát triển các chương trình đào tạo kỹ năng mềm và các kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi ra trường; các chương trình đào tạo hỗ trợ doanh nghiệp, tăng cường năng lực chuyên môn cho cán bộ các cơ quan quản lý Nhà nước và điều hành doanh nghiệp .

Hoạt động tư vấn hướng vào các lĩnh vực: quy hoạch phát triển, chiến lược phát triển, quản trị kinh doanh, xây dựng các đề án phát triển ngành, tư vấn tài chính, đầu tư... của các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân.

Phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức các

hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và tư vấn.

3.3.2. Giải pháp thực hiện

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn phát triển theo mô hình đơn vị dịch vụ hạch toán nội bộ, tự chủ về tài chính, có con dấu, tài khoản riêng, hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Thiết kế, xây dựng các sản phẩm dịch vụ đào tạo chất lượng cao theo nhu cầu thị trường: chương trình đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên; đào tạo cấp chứng chỉ về lập, thẩm định, quản trị dự án đầu tư; chứng chỉ quản lý tài chính công; chứng chỉ quản trị doanh nghiệp.

- Phát triển đội ngũ chuyên gia chủ chốt để cung cấp dịch vụ tư vấn chất lượng cao. Xây dựng chương trình, nội dung hợp tác, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ KH&ĐT, các tổ chức, cơ quan, ban ngành, các doanh nghiệp và các địa phương để tổ chức các hoạt động đào tạo và tư vấn phát triển.

3.4. Hợp tác quốc tế

3.4.1. Chiến lược phát triển

Phát triển và mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế với các trường đại học uy tín trên thế giới về lĩnh vực kinh tế và quản lý trong liên kết đào tạo, hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển nguồn nhân lực và quản trị điều hành là khâu đột phá để đưa học viện trở thành một trường đại học theo hướng nghiên cứu có uy tín.

3.4.2. Giải pháp thực hiện

- Chủ động tiếp cận, hợp tác với các tổ chức quốc tế có quan hệ với Bộ KH&ĐT để khai thác các nguồn lực đầu tư cho phát triển học viện.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ từ các dự án như USAID, KOICA,... trong đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn nhằm nâng cao chất lượng cán bộ giảng viên;

- Mở rộng quan hệ với các đối tác quốc tế trong liên kết đào tạo đại học và sau đại học; chuẩn hóa chương trình đào tạo để ngày càng nhiều các trường có uy tín trên thế giới công nhận chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát

triển; mở rộng hoạt động trao đổi sinh viên và giảng viên với các đối tác quốc tế.

- Nghiên cứu phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao bằng tiếng Việt và tiếng Anh cho các bậc đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án liên kết đào tạo.

- Xây dựng chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học, tổ chức hội thảo quốc tế với các cơ quan, tổ chức và các trường đại học có uy tín trên thế giới nhằm nhanh chóng nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học của học viện.

- Khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn tại các nước tiên tiến theo các chương trình học bổng của chính phủ nước ngoài hoặc của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.5. Đảm bảo chất lượng

3.5.1. Chiến lược phát triển

- Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của học viện thông qua các hoạt động: tự đánh giá, KĐCL học viện và KĐCL chương trình đào tạo, triển khai thực hiện các kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng.

- Tăng cường năng lực xây dựng và triển khai giám sát việc thực hiện các kế hoạch đảm bảo chất lượng ngắn hạn và trung hạn thông qua việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ đảm bảo chất lượng cấp học viện và khoa.

- Hoàn thiện và tăng cường sử dụng các công cụ hỗ trợ cho việc đánh giá các hoạt động đảm bảo chất lượng, thông qua các hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học, khảo sát ý kiến cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.

3.5.2. Giải pháp thực hiện

- Thực hiện KĐCL giáo dục học viện giai đoạn 2012-2016.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo giai đoạn 2016-2020 và các giải pháp đảm bảo chất lượng bên trong hàng năm.

- Hoàn thiện và tăng cường việc sử dụng các công cụ thu thập thông tin

phản hồi phục vụ cho hệ thống đảm bảo chất lượng như: lấy ý kiến phản hồi từ người học, khảo sát ý kiến cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo, kiến thức và kỹ năng cần trang bị cho sinh viên, việc làm và học lên các bậc cao hơn của sinh viên sau tốt nghiệp.

- Tăng cường năng lực xây dựng và triển khai giám sát việc thực hiện các kế hoạch đảm bảo chất lượng ngắn hạn và trung hạn thông qua việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ đảm bảo chất lượng cấp học viện và khoa.

- Đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy; tăng cường năng lực đội ngũ giảng dạy, đẩy mạnh phát triển cơ sở vật chất và nguồn thông tin, tài nguyên thư viện nhằm đảm bảo việc đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo. Đồng thời, xây dựng chuẩn đầu ra và triển khai đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo tại Học viện.

3.6. Phát triển nguồn nhân lực

3.6.1. Chiến lược phát triển

- Xây dựng đội ngũ viên chức đủ về số lượng và chất lượng, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; có trình độ chuyên môn cao, phương pháp giảng dạy tốt; có khả năng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với xu hướng của đại học tiên tiến trên thế giới.

- Đảm bảo tỷ lệ giảng viên/sinh viên theo quy chuẩn. Đào tạo đội ngũ kế cận có đủ đức đủ tài, đảm bảo sự kế thừa và phát triển vững chắc để thực hiện tốt mục tiêu chiến lược phát triển của học viện.

- Có cơ chế khuyến khích đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, cán bộ nghiên cứu từ các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các trường đại học uy tín trong và ngoài nước tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại học viện.

- Dự kiến đến năm 2020 số lượng giảng viên cơ hữu của Học viện là 150 người; số lượng cán bộ quản lý đến năm 2020 là 52 người (không kể cán bộ Ban quản lý dự án khi triển khai đầu tư xây dựng dự án cơ sở vật chất của Học viện).

3.6.2. Giải pháp thực hiện

- Tiêu chuẩn hóa chất lượng đội ngũ giảng viên của Học viện theo các quy định hiện hành: Đảm bảo 100% giảng viên đứng lớp phải có trình độ từ Thạc sĩ trở lên; giảng viên có trình độ Thạc sĩ sau 7 năm phải học lên Tiến sĩ, giảng viên là Tiến sĩ sau 10 năm phải đạt học hàm PGS; phần đầu tối thiểu 30% giảng viên có thể giảng dạy được bằng tiếng Anh; đảm bảo mỗi môn ít nhất có 2 giảng viên; mỗi giảng viên phải giảng được 2 môn trở lên; tỷ lệ giảng viên cơ hữu/sinh viên, học viên đạt mức: 1/20.

- Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, giáo viên hiện có, chấm dứt hợp đồng đối với những cán bộ, giảng viên không đáp ứng đủ yêu cầu của học viện.

- Quy hoạch đội ngũ cán bộ, giảng viên, có kế hoạch đào tạo và sử dụng theo đúng quy hoạch. Tranh thủ các chương trình đào tạo của Nhà nước, của Bộ KH&ĐT, của các dự án ODA, các chương trình liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam để cử các cán bộ giảng viên đi đào tạo có bằng cấp và nâng cao năng lực.

- Hàng năm cử 2 đến 3 giảng viên thực tập trợ giảng tại các trường đại học uy tín trên thế giới, và mời Giáo sư nước ngoài đến học viện để nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giảng viên

- Tạo lập các cơ chế liên kết giảng dạy và nghiên cứu với các cán bộ các đơn vị Cục, Vụ, Viện và các cơ sở đào tạo khác của Bộ KH&ĐT, có chính sách thu hút đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, cán bộ nghiên cứu chất lượng cao.

- Ưu tiên tuyển dụng người có học vị tiến sĩ từ nước ngoài hoặc từ các trường đại học có uy tín để bổ sung cho đội ngũ giảng dạy. Có chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ, giảng viên hợp lý để thu hút nhân tài.

- Từng bước nâng cao đời sống vật chất của cán bộ, giảng viên, thông qua việc tìm kiếm, xây dựng các dự án nghiên cứu, tư vấn chính sách kinh tế và xã hội, liên kết đào tạo ...

3.7. Hoàn thiện mô hình, cơ cấu tổ chức

3.7.1. Chiến lược phát triển

Hoàn thiện mô hình tổ chức, quản lý của một trường đại học công lập theo quy định của Luật giáo dục đại học hiện hành và tiếp thu có chọn lọc mô hình tổ chức, quản lý của một số trường đại học nghiên cứu có uy tín trên thế giới trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

3.7.2. Giải pháp thực hiện

- Xây dựng Đề án thành lập Hội đồng học viện theo quy định của Điều lệ trường đại học gồm 11 thành viên, trong đó có đại diện lãnh đạo Bộ, lãnh đạo học viện và các nhà khoa học, quản lý bên ngoài.

- Đề nghị lãnh đạo Bộ bổ nhiệm đủ số lượng thành viên trong Ban Giám đốc; tiến hành tuyển dụng và bổ nhiệm đủ đội ngũ cán bộ trưởng, phó các khoa, phòng, ban chức năng.

- Bố trí sắp xếp lại tổ chức, các đơn vị khoa, trung tâm, phòng ban theo hướng ít đầu mối, tinh gọn, hiệu quả. Đổi tên một số các đơn vị hiện có để phù hợp với chức năng nhiệm vụ và các ngành đào tạo: Đổi tên Khoa Tài chính tiền tệ thành Khoa Tài chính Ngân hàng; Khoa Kinh tế đối ngoại thành Khoa Kinh tế quốc tế; Khoa Kế hoạch phát triển thành Khoa Kinh tế phát triển; Khoa Quy hoạch phát triển thành Khoa Đầu tư. Đổi tên Khoa Triết học và Chính trị học thành Khoa Khoa học chính trị; Bộ môn Luật thành Khoa Luật kinh tế; Khoa Toán thành Khoa Toán Thống kê.

- Thành lập các bộ môn thuộc khoa.

- Thành lập Khoa Đào tạo sau đại học.

- Thành lập Trung tâm Bồi dưỡng, nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách trong giai đoạn 2016-2018; giai đoạn 2018-2020 nâng cấp lên thành Viện nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách.

- Thành lập Tạp chí Chính sách và Phát triển.

- Thành lập phòng quản lý thiết bị.

- Xây dựng quản lý chất lượng trường đại học theo tiêu chuẩn ISO.

- Kiện toàn và phát huy sức mạnh các tổ chức chính trị đoàn thể.

3.8. Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật

3.8.1. Chiến lược phát triển

Xây dựng cơ sở vật chất độc lập, theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, với trang thiết bị đầy đủ, hiện đại, đạt chuẩn quốc gia và hướng đến các chuẩn quốc tế vào năm 2020 cho quy mô 4.000 sinh viên (3.200 cử nhân, 500 cao học, 300 học viên các hệ đào tạo bồi dưỡng) và 202 cán bộ giảng viên.

3.8.2. Giải pháp thực hiện

- Lập đề án trình lãnh đạo Bộ phê duyệt về xây dựng trụ sở Học viện tại khu đô thị Nam An Khánh, tuân thủ quy định hiện hành về cơ sở vật chất trường đại học của Bộ GD&ĐT.

- Xin chủ trương lãnh đạo Bộ bổ sung diện tích, lập kế hoạch và trình duyệt mua sắm trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý của học viện tại D25 trong giai đoạn 2016-2020.

3.9. Phát triển nguồn lực tài chính

3.9.1. Chiến lược phát triển

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính; tăng cường các nguồn thu; chủ động tranh thủ nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước; phân phối, quản lý và sử dụng nguồn tài chính một cách hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu và mục tiêu phát triển của Học viện. Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Ổn định tăng thu nhập cho cán bộ giảng viên trong học viện qua từng năm.

Phân đầu tổng thu tài chính giai đoạn 2016 – 2020 là 216.914.000.000 đồng

Thu tài chính giai đoạn 2021 -2030 là 531.129.000.000 đồng.

(Dự toán kèm theo).

3.9.2. Giải pháp thực hiện

- Đa dạng hóa nguồn thu từ các loại hình, trình độ đào tạo đáp ứng nhu cầu

đa dạng của xã hội.

- Phát triển các loại hình dịch vụ khoa học, tư vấn để tăng cường nguồn thu từ các hoạt động NCKH và các dịch vụ hỗ trợ cho đào tạo. Xây dựng cơ chế khuyến khích các khoa/bộ môn chủ động tìm kiếm các hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ tư vấn nhằm tăng thu nhập cho cán bộ/giảng viên và giảm áp lực tài chính đối với Học viện.

- Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế để mời gọi sự hợp tác, giúp đỡ, viện trợ của các tổ chức, các trường đại học nước ngoài. Xây dựng cơ chế khuyến khích các khoa/bộ môn chủ động trong hợp tác quốc tế, nâng cao năng lực đội ngũ về chuyên môn, ngoại ngữ và kỹ năng thực hiện các dự án quốc tế tìm kiếm các nguồn lực tài chính từ nước ngoài.

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách cấp để xây dựng, sửa chữa, cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất. Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong việc chi tiêu ngân sách.

- Thực hiện nghiêm các quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược

- Tuyên truyền và phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức đối với toàn thể viên chức, sinh viên của học viện trong việc thực hiện kế hoạch chiến lược.

- Tổ chức bộ máy và phân công thực hiện cho các cá nhân, bộ phận, đơn vị chức năng (trách nhiệm, quyền hạn, nguồn lực...).

- Xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch chiến lược chung của toàn học viện và của từng đơn vị theo từng năm.

- Có biện pháp, cơ chế tổ chức và chỉ đạo thực hiện ở các cấp.

- Có biện pháp ứng phó với sự thay đổi, rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

2. Tổ chức giám sát quá trình thực hiện

- Thường xuyên đánh giá kết quả sự chuyển biến về chất lượng và hiệu quả đào tạo trong quá trình thực hiện để đảm bảo kế hoạch thực hiện đúng mục tiêu, đồng thời điều chỉnh được những sai lệch và hạn chế được rủi ro.

- Thực hiện nghiêm túc nội dung và phương pháp đánh giá, thực hiện đánh giá theo từng mục tiêu và đánh giá tổng thể học viện. Tổng hợp lại mức đạt được về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và đưa ra những đánh giá chung về hiện trạng đảm bảo chất lượng đào tạo của học viện, khuyến nghị ưu tiên đầu tư trọng điểm để nâng cao chất lượng và hiệu quả đạt được.

Trên đây là văn bản **Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030**. Bản kế hoạch chiến lược này được xây dựng xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn nhằm đáp ứng vai trò quan trọng của Học viện trong việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho ngành Kế hoạch và Đầu tư và cho xã hội.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế mở, đặc biệt trong xu thế hội nhập toàn cầu, Đảng ủy - Ban Giám đốc Học viện Chính sách và phát triển tin tưởng với sự đồng lòng, nhất trí cao của tất cả các thành viên trong học viện, sẽ cùng nhau nỗ lực phấn đấu, vượt qua những khó khăn để hoàn thành tốt các mục tiêu mà kế hoạch chiến lược phát triển học viện giai đoạn 2016-2020 đã đề ra.

Nội dung của từng mảng phát triển trong kế hoạch sẽ được cập nhật, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình cụ thể. Hàng năm, Học viện sẽ tổ chức sơ kết, đánh giá để kịp thời điều chỉnh nhằm xây dựng chương trình hành động năm tiếp theo cho phù hợp với chiến lược phát triển.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM					
		2016	2017	2018	2019	2020	2016 - 2020
I	SINH VIÊN/HỌC VIÊN (NGƯỜI)						
	Đại học	2.000	2.300	2.500	2.800	3.200	
	Sau Đại học	170	250	300	350	500	
	Cán bộ	100	100	200	250	300	
II	NGUỒN THU						
	Thường xuyên	11.420	12.562	11.000	11.000	11.000	56.982
	Không thường xuyên	2.191	1.972	1.000	1.000	1.000	7.163
	Học phí						
	Đại học	14.960	17.204	18.700	20.944	23.936	95.744
	Sau Đại học	6.120	9.000	10.800	12.600	18.000	56.520
	Khác (dịch vụ, tài trợ ...)	30	40	100	125	210	505
	TỔNG THU	34.721	40.778	41.600	45.669	54.146	216.914

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH TẠI CHỖ NĂM 2021 - 2030

Đơn vị tính: triệu đồng

NĂM												
STT	NỘI DUNG											
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2021 - 2030
I	SV/HV											
	SV	3.500	3.700	3.800	3.900	4.000	4.200	4.500	4.700	5.000	5.000	
	CAO HỌC	350	370	400	430	450	470	500	600	700	800	
	TIỆN SĨ										650	
II	CẬN BỘ	350	370	400	430	450	470	500	550	600		
	TIỆN SĨ											
	THU											
	HỌC PHÍ											
	ĐẠI HỌC	35.700	37.740	38.760	39.780	40.800	42.840	45.900	47.940	51.000	51.000	431.460
	CAO HỌC	6.650	7.030	7.600	8.170	8.550	8.930	9.500	11.400	13.300	15.200	96.330
	TIỆN SĨ											3.339
	DỊCH VỤ	245	259	280	301	315	329	350	385	420	455	531.129
	TỔNG THU	42.595	45.029	46.640	48.251	49.665	52.099	55.750	59.725	64.720	66.655	